

Bản án số: 532/2022/HS-PT

Ngày: 15-12-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Lê Phước Thanh**

Các thẩm phán: ông **Nguyễn Cường**

ông **Trần Quốc Cường**

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông **Lê Ra**, Kiểm sát viên.

Vào ngày 15 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 482/2022/TLPT-HS ngày 24 tháng 10 năm 2022 đối với bị cáo Đoàn Thanh S bị xét xử về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

Bị cáo có kháng cáo:

1. Đoàn Thanh S, sinh năm 1978; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn X, sinh năm 1940 và bà Trần Thị X, sinh năm 1945; tiền án:

- Ngày 01/7/2005, TAND Cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm tuyên phạt 09 năm tù về tội Cướp giật tài sản. Chưa chấp hành xong phần bồi thường dân sự;

- Ngày 29/3/2017, TAND huyện M, tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Ngày 05/7/2017, TAND huyện S, tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt chung với bản án ngày 29/3/2017 của TAND huyện M là 03 năm tù. Chấp hành xong 02 bản án ngày 27/5/2019.

Nhân thân:

- Ngày 07/8/1996, Công an thị trấn P, huyện T (cũ), xử phạt hành chính 50.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; - Ngày 26/11/2003, Công an huyện T

(cũ), xử phạt hành chính, 200.000 đồng về hành vi Trộm cắp tài sản; - Ngày 28/11/2003, Công an huyện T (cũ), Phú Yên xử phạt hành chính 200.000 đồng về hành vi chống người thi hành công vụ;

- Ngày 20/11/2002, TAND tỉnh Phú Yên xử phạt 09 tháng tù về tội trộm cắp tài sản; tạm giam từ ngày 30/12/2021 đến nay tại Tại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên- Có mặt.

2. Lê Ngọc Quỳnh N, sinh năm 1997; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1962 và bà Phan Thị M, sinh năm 1964; có chồng Trần Thanh P, sinh năm 1994 và có 01 con, sinh năm: 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại- Có mặt..

3. Lê Văn T, sinh năm 1999; tại tỉnh Phú Yên. Nơi cư trú: thành phố T, tỉnh Phú Yên; Nghề nghiệp: thợ cắt tóc; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T, sinh năm 1962 và bà Phan Thị M, sinh năm 1964; tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2021 đến ngày 13/7/2021. Bị cáo tại ngoại- Có mặt.

- *Người bào chữa của bị cáo Đoàn Thanh S:*

1. Luật sư Nguyễn Hương Q – Luật sư Công ty Luật TNHH MTV P, Đoàn luật sư Phú Yên- Có mặt.

2. Luật sư Nguyễn Hồng Q – Luật sư Công ty Luật TNHH T, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội- Vắng mặt.

- *Người bào chữa của bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N:* Luật sư Trần Thị N T – Luật sư Văn phòng luật sư D, Đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên- Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 10/2020, Lê Ngọc Quỳnh N biết Đoàn Thanh S bán ma túy nên đã liên hệ mua ma túy của S để bán kiếm lời. Tại quán Bar Tlouger ở Phường 7, TP. T, N đã 02 lần mua ma túy của S, mỗi lần mua 02 viên thuốc lắc và 02 chাম ma túy Khay, tổng cộng 4.600.000 đồng, N bán số ma túy này cho 05 người (chưa xác định), thu lợi được 1.000.000 đồng. Đến tháng 11/2020, N gọi điện cho S đặt mua 30 viên ma túy thuốc lắc và ½ hộp 5 ma túy Khay, với giá 10.500.000 đồng. S đồng ý và nói N đến nhà S để lấy ma túy nên N điều khiển xe mô tô 78C1-55447 đến nhà S ở khu phố 5, phường P, TP. T nhận 30 viên ma túy thuốc lắc và ½ hộp 5 ma túy Khay rồi đưa cho S 10.500.000 đồng. N bán số ma túy này cho Nguyễn Xuân T, Phan Tài P và 03 người khác gồm T, M và một phụ nữ (chưa xác định) 21 viên thuốc lắc và 06 chাম ma túy với tổng số tiền 13.800.000 đồng. Ngày 19/12/2020, N tiếp tục gọi điện cho S đặt mua

200 viên thuốc lắc và 04 hộp 10 ma túy Khay, S nói nếu lấy 400 viên thuốc lắc và 04 hộp 10 ma túy Khay, tổng cộng 128.000.000 đồng, S sẽ bớt 8.000.000 đồng, còn 120.000.000 đồng. N đồng ý, S cho N số tài khoản 040098771011 của S, để chuyển tiền, khoảng 18 giờ ngày 21/12/2020, N đến cửa hàng V ở đường N, TP. T chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản của S để trả tiền mua ma túy. Khoảng 17 giờ ngày 24/12/2020, N đi xe taxi đến nhà S lấy 400 viên thuốc lắc dạng nén màu hồng, màu xanh và 04 hộp 10 ma túy Khay và trả tiếp cho S 15.000.000 đồng tiền mua ma túy. Sau đó, S nhắn tin cho N nói chuyển tiền mua ma túy cho S vào số tài khoản 03712848601 tên Trịnh Thị Anh T. Khoảng 19 giờ ngày 24/12/2020, N đến cửa hàng V ở đường N, TP. T chuyển vào tài khoản của T 30.000.000 đồng để trả tiền mua ma túy theo yêu cầu của S. Tổng cộng N đã trả cho S 75.000.000 đồng, còn nợ S 45.000.000 đồng tiền mua ma túy. Sau khi mua ma túy của S, N đem về nhà cất giấu rồi bán lại cho Lê Thanh B, T, Nghị và 02 người khác (chưa xác định). Quá trình bán ma túy, N đã 02 lần nhờ Lê Văn T (em ruột N) đi bán ma túy cho N 02 lần cụ thể: lần thứ 1, khoảng đầu tháng 01/2021, N nói T lấy 01 viên thuốc lắc và 01 chাম ma túy Khay trong cốp xe mô tô 78C1-579.15, đem đến trước quán karaoke P bán cho người phụ nữ (chưa xác định) nhận 1.400.000 đồng về đưa lại cho N, N cho T 100.000 đồng; Lần thứ 2, khoảng 16 giờ 00 ngày 15/01/2021, N tiếp tục nói T lấy 01 viên ma túy thuốc lắc và 02 chাম ma túy khay đem bán cho một người phụ nữ (chưa xác định) tại quán karaoke Phú Mới, khi T đem ma túy đến trước cửa quán karaoke Phú Mới thì bị bắt quả tang.

Khám xét khẩn cấp chỗ ở của T và N ở thành phố T, Cơ quan điều tra thu giữ của N tổng cộng 40,986g ma túy loại Ketamine và 129,362g ma túy loại MDMA.

Tại kết luận giám định số 10/GĐ-PC09 ngày 18/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên, kết luận: 02 gói chất tinh thể màu trắng tạm giữ của Lê Văn T có khối lượng là 0,587g là chất ma túy loại Ketamine; 43 bì nilon chứa chất tinh thể màu trắng và tinh thể màu trắng tạm giữ của Lê Ngọc Quỳnh N có tổng khối lượng là 40,986g là chất ma túy loại Ketamine; 368 viên nén màu hồng có tổng khối lượng là 128,933g và 01 viên nén màu vàng có khối lượng là 0,429g là chất ma túy loại MDMA. (BL: 281-283).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 25/2022/HS-ST ngày 12/9/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Đoàn Thanh S, Lê Ngọc Quỳnh N, Lê Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

Về Hình phạt:

- Áp dụng Điểm h, Khoản 4, Khoản 5 Điều 251; Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo **Đoàn Thanh S** Tù chung thân, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/12/2021.

Phạt bổ sung bị cáo Đoàn Thanh S 30.000.000đồng (*ba mươi triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng Điểm h, Khoản 4, Khoản 5 Điều 251; Điểm n, s Khoản 1 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo **Lê Ngọc Quỳnh N 17** (*mười bảy*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N 15.000.000đồng (*mười lăm triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

Buộc bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N phải nộp số tiền 5.700.000 sung quỹ.

- Áp dụng Điểm b, Khoản 2 Điều 251; Điểm s, Khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự; Phạt: Bị cáo **Lê Văn T 06** (*sáu*) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2021 đến ngày 13/7/2021.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 23/9/2022 bị cáo Đoàn Thanh S có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 26/9/2022 bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N và Lê Văn T có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và phần xử lý vật chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Các bị cáo Đoàn Thanh S, Lê Ngọc Quỳnh N và Lê Văn T giữ nguyên kháng cáo.

+ Bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N và Lê Văn T khai nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nhận định. Bị cáo Đoàn Thanh S cho rằng bị cáo không mua bán ma túy và không phạm tội.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Đoàn Thanh S.

Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N, Lê Văn T và sửa bản án sơ thẩm.

+ Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thanh S đề nghị hủy bản án sơ thẩm; vì: Chưa trích xuất dữ liệu điện thoại giữa S và N; chưa lấy lời khai của những người sống cùng S trong ngày 24/12/2020 và không thu giữ điện thoại của S có số sim 0777451756 tại Công an quận Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh để trích xuất các hình ảnh ngoại phạm của S ngày 24/12/2020 như lời khai của S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N khai nhận hành vi mua ma túy của S 02 lần tại quán Bar Tlouger ở Phường 7, TP. T, mỗi lần mua 02 viên thuốc lắc và 02 chাম ma túy Khay và 02 lần mua ma túy tại nhà của S ở khu phố 5, phường P, TP. T để bán lại cho 13 người khác kiếm lời.

Các lần mua ma túy của sơn tại nhà ở của S như sau:

- Vào tháng 11/2020, N gọi điện cho S đặt mua 30 viên ma túy thuốc lắc và ½ hộp 5 ma túy Khay, S đồng ý và N đến nhà S theo chỉ dẫn của S để lấy ma túy.

- Vào ngày 19/12/2020, N tiếp tục gọi điện cho S đặt mua 200 viên thuốc lắc và 04 hộp 10 ma túy Khay, S nói nếu lấy 400 viên thuốc lắc và 04 hộp 10 ma túy Khay, tổng cộng 128.000.000 đồng, S sẽ bớt 8.000.000 đồng, còn 120.000.000 đồng. N đồng ý, S cho N số tài khoản 040098771011 của S, để chuyển tiền; khoảng 18 giờ ngày 21/12/2020, N đến cửa hàng V ở đường N, TP. T chuyển 30.000.000 đồng vào tài khoản của S để trả tiền mua ma túy. Khoảng 17 giờ ngày 24/12/2020, N đi nhà S lấy 400 viên thuốc lắc và 04 hộp 10 ma túy Khay và trả tiếp cho S 15.000.000 đồng tiền mua ma túy. Sau đó, S nhắn tin cho N bảo N chuyển tiền mua ma túy cho S vào số tài khoản 03712848601, có tên Trịnh Thị Anh T. Khoảng 19 giờ ngày 24/12/2020, N đến cửa hàng V ở đường N, TP. T chuyển vào tài khoản của T 30.000.000 đồng để trả tiền mua ma túy.

Quá trình bán ma túy, N đã 02 lần nhờ Lê Văn T (*em ruột N*) đi bán ma túy cho N 02 lần; T bán lần thứ hai vào ngày 15/01/2021, khi T đem ma túy đến trước cửa quán karaoke Phú Mới để bán cho một người phụ nữ (*chưa xác định*) tại quán karaoke Phú Mới, thì bị bắt quả tang. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của T và N ở tổ 6, khu phố Bà Triệu, Phường 7, thành phố T, Cơ quan điều tra thu giữ của N tổng cộng 40,986g ma túy loại Ketamine và 129,362g ma túy loại MDMA.

Lời khai của bị cáo N phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo Lê Văn T; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang lúc 17h ngày 15/01/2021 đối với Lê Văn T và Biên bản khám xét nơi ở của Lê Ngọc Quỳnh N và Lê Văn T lúc 20h35 phút ngày 15/1/2021; phù hợp với kết luận giám định số 10/GĐ-PC09 ngày 18/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên; phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là những người mua ma túy và những người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập được có tại hồ sơ vụ án. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Lê Văn T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người và đúng tội.

[2] Đối với bị cáo Đoàn Thanh S: Bị cáo Đoàn Thanh S cho rằng lời khai của Lê Ngọc Quỳnh N không đúng sự thật, bị cáo không có hành vi mua bán trái phép chất ma túy. Xét thấy:

Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử; bị cáo S luôn có lời khai khác nhau, mâu thuẫn với nhau và luôn thay đổi lời khai cho phù hợp với kết quả điều tra và phiên tòa; cụ thể:

- Về mối quan hệ giữa bị cáo S với bị cáo N: Các lời khai ban đầu bị cáo S đều khai bị cáo không quen biết bị cáo N (BL459, 460, 469, 471): “Tôi không có quen biết ai tên là Lê Ngọc Quỳnh N, sinh 1997, địa chỉ tổ 6, khối phố Bà Triệu, phường 7, thành phố T” ; “tôi thỉnh thoảng có đến quán Bar Tlouger ở Phường 7, TP. T chơi nhưng không quen biết với người phụ nữ nào tên là N.”. Tuy nhiên, nhưng lời khai sau đó và tại phiên đối chất với bị cáo N (BL 481); tại phiên đối chất này, sau khi bị cáo N khai đặc điểm nhà của S: “ Tôi đến nhà Đoàn Thanh S...Nhà S có cổng màu xanh, phía trên có mái che, sân có nhiều cây cảnh, nhà hai tầng. Tôi đến để mua ma túy” thì S mới khai nhận có quen biết với bị cáo N: “Tôi có quen biết với Lê Ngọc Quỳnh N này...”; “Tôi có quen biết với nữ nhân viên phục vụ quán Bar Tlouger tên là N...” và “ trong tháng 11/2020, anh Phong đã có 03 lần chở N đến nhà tôi chơi...2 lần sau để N giao yến sào...” và: “Tôi quen biết với Lê Ngọc Quỳnh N, sinh 1997, HKTT và chỗ ở tổ 6, khối phố Bà Triệu, phường 7, thành phố T.”

- Về sử dụng điện thoại để đăng ký Zalo: Lời khai ban đầu, bị cáo S khai bị cáo dùng điện thoại có số 0777451756 nhưng không có tài khoản zalo: “tôi không dùng số điện thoại 0777451756 của tôi để đăng ký tài khoản zalo” (BL459; BL 460) nhưng sau khi cơ quan điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định số 29/CSMT ngày 13/4/2021; yêu cầu cơ quan giám định phục hồi, trích xuất dữ liệu tại điện thoại di động của bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N thì bị cáo S thay đổi lời khai cho rằng có dùng số điện thoại 0777451756 của bị cáo để đăng ký zalo: “Từ tháng 6 năm 2020 đến đầu tháng 01 năm 2021 tôi liên tục dùng số điện thoại di động 0777451756 và thời gian trên tôi có dùng số điện thoại trên để đăng ký tài khoản zalo của tôi...” (BL 462, ngày 28/4/2021).

- Về sử dụng tài khoản thẻ ATM số 040098771011 tại Ngân hàng S:

Bị cáo S thừa nhận việc sử dụng tài khoản số 040098771011, do S mở tại Ngân hàng tại S và theo lời khai của bị cáo N thì bị cáo N chuyển vào tài khoản S số tiền 30 triệu đồng để mua ma túy của S vào ngày 21/12/2020; bị cáo S cũng thừa nhận tài khoản 040098771011 của S đã nhận số tiền 30 triệu đồng vào ngày 21/12/2020 và S đã rút ra vào ngày 22/12/2020 nhưng cho rằng S nhận và rút tiền ra dùng cho người khác, không quen biết và không biết ai chuyển số tiền 30 triệu đồng: “Tôi có cho một nam thanh niên không nhớ tên...số tài khoản ngân hàng của tôi số 040098771011, tôi cho trực tiếp người khác chuyển tiền vào sau đó tôi rút ra đưa lại cho nam thanh niên trên...khoảng 18h ngày 21/12/2020 tài khoản ngân hàng của tôi nhận được số tiền 30 triệu đồng, ai chuyển tôi không biết. Đến 15 h ngày 22/12/2020 tôi trực tiếp đến phòng giao dịch Ngân hàng S...sử dụng giấy chứng minh để rút số tiền 32 triệu đồng ...sau đó tôi đưa cho nam thanh niên trên số tiền 30 triệu đồng...”. Sau khi nhận được Kết luận điều tra (Số 02/CSMT ngày 19/01/2022), S biết được nội dung của Kết luận điều tra thì S thay đổi lời khai phúc cung tại Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên và tại

phiên tòa sơ thẩm; cho rằng, số tiền 30 triệu đồng do bị cáo Nhi chuyển vào tài khoản của bị cáo S là số tiền bị cáo Nhi nhờ bị cáo S mua ma túy dùm: “Chỉ có một lần chị Nhi nhờ tôi mua 200 viên ma túy ...Nhi có gửi vào số tài khoản của tôi với số tiền 30.000.000 đồng...”. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo S lại khai: “số tiền 30 triệu đồng nhận vào ngày 21/12/2021 và S đã rút ra vào ngày 22/12/2020 tại tài khoản của S 040098771011 là số tiền N mượn tài khoản của S để gửi cho Phong”.

- Về việc bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N khai nhận ma túy do S bán vào khoảng 17h ngày 24/12/2020:

Tại cơ quan điều tra; bị cáo S khai ngày 24/12/2020, bị cáo đón noen tại nhà thờ Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh: “vào ngày 24/12/2020 tôi đón noen tại nhà thờ Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh” nhưng tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo S thay đổi lời khai và có lời khai khác nhau: Có lời khai bị cáo khai đi siêu thị: “bị cáo ở winmart, bị cáo đi siêu thị... ngày 24/12/2020”, có lời khai bị cáo khai đang ở chung cư tại thành phố Hồ Chí Minh: “đang ở chung cư M...”. Mặt khác, trong khoảng thời gian mà bị cáo N khai chuyển tiền, nhận ma túy lần thứ 3 của S và bị cáo S rút số tiền 30 triệu đồng (19/12/2020 đến 24/12/2020) thì bị cáo S đều khai thỉnh thoảng về nhà tại Phú Yên: “Từ đầu tháng 9/2020 đến 7/01/2021 ...thỉnh thoảng tôi có về nhà từ 1 đến 2 ngày ...” và “từ tháng 9/2020 đến tháng 1/2021 thỉnh thoảng tôi có đến quán Bar T ở Phường 7, TP. T chơi” nhưng tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo S khai không về nhà bị cáo trong thời gian trên: “bị cáo ở từ 9/12/2020 đến 28/12/2020, bị cáo mới về lại”.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo S còn có lời khai bị cáo sử dụng điện thoại có số sim 0777451756 để quay lại các hình ảnh hoạt động của bị cáo cùng bạn bè vào ngày 24/12/2020 và điện thoại có số sim 0777451756 này đang được Công an quận B, thành phố Hồ Chí Minh thu giữ. Tuy nhiên, tại cơ quan điều tra; bị cáo S đã có nhiều lời khai về chiếc điện thoại có số sim 0777451756 đã bị mất: “Tôi dùng số điện thoại 0777451756 từ tháng 6/2020 đến tháng 01/2021 thì bị mất điện thoại này...”...

Lời khai của bị cáo S không thống nhất, thay đổi lời khai liên tục nêu trên nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung của các luật sư bào chữa cho bị cáo S là có căn cứ. Đồng thời, việc thay đổi lời khai, khai lời khai khác nhau và mâu thuẫn với nhau như nêu trên; đã thể hiện sự quanh co và nhằm chối tội của bị cáo S. Vì vậy, căn cứ vào các chứng cứ:

[2.1] Trong quá trình điều tra, bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N vẽ sơ đồ xác định chính xác nhà ở của bị cáo Đoàn Thanh S tại khu phố 5, phường P, thành phố Tuy Hoà, tỉnh Phú Yên đã thể hiện lời khai của bị cáo N đã đến nhà bị cáo S để mua ma túy là có thật.

Qua nhận dạng; bị cáo N xác định chính xác bị cáo Đoàn Thanh S chính là người đã bốn lần bán ma túy cho bị cáo N; Qua kiểm tra điện thoại của bị cáo N, trong danh bạ điện thoại có lưu số điện thoại của bị cáo S là số 0777451756 và Công ty viễn thông M cung cấp: Số điện thoại 0335135582 của bị cáo N và

số điện thoại 0777451756 của bị cáo S có liên lạc với nhau vào lúc 16 giờ 26 phút ngày 23/11/2020 và lúc 18 giờ 08 phút ngày 19/12/2020; là thời điểm các lần N liên lạc mua ma túy của S.

[2.2] Về giao dịch chuyển tiền: Lúc 18 giờ 26 phút ngày 21/12/2020, N nộp 30.000.000 đồng vào số tài khoản 040098771011 của S mở tại Ngân hàng S. S thừa nhận đã trực tiếp rút số tiền này tại Chi nhánh Ngân hàng S Sư Vạn Hạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2.3] Lời khai của bị cáo S thừa nhận trong khoảng thời gian từ đầu tháng 9/2020 đến 7/01/2021; bị cáo có về nhà và có đến quán quán Bar Tlouger ở Phường 7, TP. T chơi phù hợp với khoảng thời gian mà bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N khai mua ma túy của S tại quán Bar Tlouger ở Phường 7, TP. T và mua ma túy của S tại nhà ở của S.

[2.4] Lời khai của cha bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N là ông Lê Thành T tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; về việc S đến nhà ông T để tìm gặp N, S đã bảo ông T nói lại với bị cáo là N đừng khai báo: *“nói với tôi là tôi hãy nói lại với N là đừng khai ra...”*; phù hợp với lời khai thừa nhận của bị cáo S về việc S có đến nhà của ông T sau khi vụ án xảy ra: *“Bị cáo đến nhà N ...tháng 4/2021”*.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Đoàn Thanh S; về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo điểm h, khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự là có căn cứ và không oan.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo Đoàn Thanh S, Lê Ngọc Quỳnh N, Lê Văn T mang tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Các bị cáo Đoàn Thanh S và Lê Ngọc Quỳnh N phạm tội 02 lần trở lên; bị cáo Đoàn Thanh S đã nhiều lần bị kết án nhưng vẫn tiếp tục phạm tội, thể hiện khó cải tạo giáo dục và thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm là các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự nên mức hình phạt Tù chung thân và phạt bổ sung 30.000.000đồng đối với bị cáo Đoàn Thanh S là phù hợp.

Đối với bị cáo N và bị cáo T: Các bị cáo đều có nhân thân tốt, Thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải theo quy định tại Điểm s, Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo N đang mang thai, hiện nay đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi; bị cáo T tham gia tội phạm với vai trò thứ yếu. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N 17 năm tù và phạt bổ sung 15.000.000đồng; bị cáo Lê Văn T 06 năm tù là có căn cứ. Tuy nhiên, xét thấy sau khi xét xử sơ thẩm; các bị cáo N và T đã nộp số tiền truy thu, tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm; hoàn cảnh gia đình khó khăn (*cùng ở chung nhà bố mẹ, 2 anh bị tâm thần, mẹ bị tai biến và là lao động chính trong gia đình*) được chính quyền địa phương xác nhận; trong vụ án này, bị cáo N đã tích cực hợp tác, khai báo hành vi phạm tội của S theo quy định tại điểm t, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N, Lê Văn T và giảm một phần hình phạt đối với Lê Ngọc Quỳnh N và Lê Văn T như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại phiên tòa.

Xe mô tô hiệu Airblade, biển số 78C1-579.15 của Lê Ngọc Quỳnh N và xe mô tô hiệu Sirius biển số 78C1-554.47 của Lê Văn T; N và T sử dụng vào việc mua bán ma túy nên Tòa án cấp sơ thẩm tịch thu sung quỹ nhà nước là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[4] Từ các nhận định nêu trên, HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Thanh S. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N và Lê Văn T.

[5] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

[6] Do chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N và Lê Văn T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Do không chấp nhận kháng cáo nên bị cáo Đoàn Thanh S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đoàn Thanh S.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N, Lê Văn T và sửa bản án sơ thẩm.

2/ Tuyên bố các bị cáo Đoàn Thanh S, Lê Ngọc Quỳnh N và Lê Văn T phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”

- Áp dụng Điểm h, Khoản 4, Khoản 5 Điều 251; Điểm g, h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Đoàn Thanh S **Tù chung thân**, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 30/12/2021.

Phạt bổ sung bị cáo Đoàn Thanh S 30.000.000đồng (*ba mươi triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng Điểm h, Khoản 4, Khoản 5 Điều 251; Điểm n, s, t Khoản 1 Điều 51; Điểm g, Khoản 1 Điều 52; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N **16 (mười sáu)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Lê Ngọc Quỳnh N 15.000.000đồng (*mười lăm triệu đồng*) sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng Điểm b, Khoản 2 Điều 251; Điểm s, Khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật Hình sự;

Phạt: Bị cáo Lê Văn T **05 (năm)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án được trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/01/2021 đến ngày 13/7/2021.

3/ Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 Xe mô tô hiệu Airblade, biển số 78C1-579.15 của Lê Ngọc Quỳnh N và 01 xe mô tô hiệu Sirius biển số 78C1-554.47 của Lê Văn T.

4/ Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về xử lý vật chứng và về án phí sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Đoàn Thanh S phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Phú Yên;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Phú Yên;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- Cục THADS tỉnh Phú Yên;
- Bị cáo;
- Trại tạm giam công an tỉnh Phú Yên;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSPA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Phước Thanh